PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1517/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải tại Tờ trình số 14258/TTr-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2013 và Văn bản số 9590/BGTVT-KHĐT ngày 06 tháng 8 năm 2014 về điều chỉnh Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của đất nước, đặc biệt là tiềm năng biển để phát triển vận tải biển một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, vừa có bước đi phù hợp, vừa có bước đột phá theo hướng hiện đại nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu của Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b) Phát triển vận tải biển theo hướng hiện đại với chất lượng ngày càng cao, chi phí hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng; tăng sức cạnh tranh để chủ động hội nhập và mở rộng thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới;

c) Phát triển vận tải biển đồng bộ với phát triển các phương thức vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, đường hàng không; ứng dụng công nghệ vận tải tiên tiến, hiện đại; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics để tạo nên một hệ thống vận tải đồng bộ, liên hoàn và hiệu quả.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải biển để đảm nhiệm vận chuyển hàng hóa trong nước, giảm tải cho vận tải bằng đường bộ; đảm nhận vận chuyển phần lớn khối lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu bằng đường biển; tham gia vận chuyển hàng hóa trên các tuyến biển xa, khu vực Bắc Âu, Nam Mỹ. Khôi phục tuyến vận tải hành khách trên trục Bắc - Nam vào thời gian thích hợp nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân. Đến năm 2020, cơ bản đáp ứng nhu cầu vận tải biển của nền kinh tế quốc dân với chất lượng cao, giá thành hợp lý và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Về vận tải biển và đội tàu:

+ Nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh doanh dịch vụ vận tải biển, đáp ứng nhu cầu vận tải biển nội địa; tập trung khai thác tối đa lợi thế trên tuyến vận tải trong nước, các tuyến biển gần đối với các loại hàng truyền thống; từng bước nâng thị phần vận chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu; kết hợp vận chuyển hàng hóa giữa các cảng biển nước ngoài, trên tuyến biển xa;

+ Khối lượng hàng hóa do đội tàu Việt Nam đảm nhận đạt khoảng từ 85 đến 91 triệu tấn vào năm 2015; khoảng từ 140 đến 153 triệu tấn vào năm 2020; khoảng từ 237 đến 270 triệu tấn vào năm 2030; số lượng hành khách (bao gồm vận chuyển hàng khách trên các tuyến ven biển nội địa, tuyến từ bờ ra đảo và tuyến giữa các đảo) đạt khoảng 05 triệu lượt người vào năm 2015; đạt khoảng từ 08 đến 09 triệu lượt người vào năm 2020;

+ Phát triển đội tàu biển Việt Nam theo hướng hiện đại, hiệu quả; chú trọng phát triển các loại tàu chuyên dùng (tàu container, hàng rời, hàng lỏng) có trọng tải lớn. Đến năm 2015, tổng trọng tải đội tàu đạt khoảng từ 4,7 đến 5,2 triệu tấn và khoảng từ 6,8 đến 7,5 triệu tấn vào năm 2020; từng bước trẻ hóa đội tàu biển Việt Nam.

- Về hệ thống cảng biển: Thực hiện mục tiêu phát triển theo Quy hoạch điều chỉnh phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014.

- Về công nghiệp tàu thủy: Thực hiện mục tiêu phát triển theo Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2290/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2013.

- Về dịch vụ hàng hải và logistics: Thực hiện mục tiêu phát triển theo Đề án phát triển dịch vụ logistics trong ngành giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2014.

II. NỘI DUNG QUY HOẠCH

Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy hoạch loại, cỡ tàu vận tải:

a) Tàu hoạt động trên các tuyến quốc tế:

- Đối với hàng rời, sử dụng tàu chuyên dùng hàng rời trọng tải từ 100.000 đến 200.000 tấn (DWT) để nhập khẩu than cho các nhà máy nhiệt điện, than quặng cho nhà máy liên hợp luyện gang thép; sử dụng tàu trọng tải 30.000 đến 50.000 tấn để xuất khẩu than, quặng, alumin, nhập phân bón và clinke.

- Đối với hàng bách hóa, hàng tổng hợp, sử dụng tàu trọng tải từ 5.000 đến 50.000 tấn, trong đó, đi/đến các nước khu vực Châu Á sử dụng cỡ tàu từ 10.000 đến 20.000 tấn, đi/đến các nước khu vực Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi sử dụng cỡ tàu từ 30.000 đến 50.000 tấn.

- Đối với hàng container, đi/đến các nước khu vực Châu Á chủ yếu sử dụng tàu có sức chở từ 500 đến 3.000 TEU, đi/đến các nước thuộc Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi sử dụng cỡ tàu có sức chở từ 4.000 đến 9.000 TEU và tàu có sức chở lớn hơn khi có điều kiện.

- Đối với hàng lỏng, sử dụng tàu có trọng tải từ 100.000 đến 400.000 tấn chở dầu thô nhập khẩu; tàu có trọng tải từ 10.000 đến 50.000 tấn chở dầu sản phẩm nhập khẩu; tàu mẹ có trọng tải từ 150.000 đến 300.000 tấn vận chuyển xăng dầu nhập khẩu trung chuyển; tàu có trọng tải từ 1.000 đến 10.000 tấn chở khí hóa lỏng.

b) Tàu hoạt động trên các tuyến nội địa:

- Đối với hàng rời, hàng bách hóa, sử dụng tàu có trọng tải từ 1.000 đến 10.000 tấn; sà lan biển chuyên dùng có trọng tải từ 5.000 đến 10.000 tấn để vận tải than nhập khẩu từ đầu mối trung chuyển về các bến của nhà máy.

- Đối với hàng container, sử dụng tàu có sức chở từ 200 đến 1.000 TEU.

- Đối với hàng lỏng, sử dụng tàu dầu có trọng tải từ 100.000 đến 150.000 tấn chở dầu thô từ các mỏ vào nhà máy lọc dầu; tàu dầu có trọng tải từ 1.000 đến 30.000 tấn chở sản phẩm dầu chuyên dùng.

2. Quy hoạch phát triển đội tàu vận tải biển Việt Nam

a) Tổng khối lượng vận tải của đội tàu biển Việt Nam đến năm 2020 đạt khoảng từ 140 đến 152 triệu tấn, trong đó vận tải biển quốc tế đạt khoảng từ 40 đến 46 triệu tấn, vận tải biển trong nước đạt khoảng từ 100 đến 106 triệu tấn.

b) Quy mô và nhu cầu bổ sung trọng tải đội tàu:

- Tổng trọng tải đội tàu hàng vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 đạt khoảng từ 6,84 đến 7,52 triệu tấn (DWT), trong đó: Tàu hàng bách hóa, hàng tổng hợp đạt khoảng từ 2,51 đến 2,68 triệu tấn; tàu hàng container đạt khoảng từ 0,68 đến 0,72 triệu tấn; tàu hàng rời đạt khoảng từ 2,21 đến 2,54 triệu tấn; tàu hàng lỏng đạt khoảng từ 1,44 đến 1,58 triệu tấn.

- Nhu cầu bổ sung đội tàu đến năm 2020 khoảng từ 1,38 đến 2,12 triệu tấn.

- Nhu cầu bổ sung sức chở đội tàu khách du lịch, tàu khách ven biển ra đảo khoảng 14.000 ghế ngồi.

3. Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014.

4. Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam

Thực hiện theo Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2290/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2013.

5. Định hướng quy hoạch phát triển dịch vụ hỗ trợ vận tải biển và logistics

Thực hiện theo Đề án phát triển dịch vụ logistics trong lĩnh vực giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2014.

6. Định hướng phát triển nguồn nhân lực vận tải biển

a) Đến năm 2020, đào tạo và bồi dưỡng đạt khoảng 42.000 sỹ quan, thuyền viên; trong đó đào tạo mới khoảng 15.000 người, bao gồm 7.000 người bổ sung theo yêu cầu phát triển đội tàu và 8.000 người thay thế lực lượng hiện có; cơ cấu đào tạo khoảng 6.000 sỹ quan quản lý và khoảng 9.000 thuyền viên, công nhân kỹ thuật hàng hải;

b) Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực logistics, công nghiệp đóng tàu, khai thác cảng biển và quản trị doanh nghiệp;

c) Đổi mới phương thức đào tạo, chương trình, tiêu chuẩn đào tạo và huấn luyện hàng hải, đặc biệt với công tác đào tạo cán bộ quản lý sỹ quan, thuyền viên và cán bộ quản lý khai thác hoạt động logistics, vận tải đa phương thức. Coi trọng đào tạo ngoại ngữ, thực hành đi đôi với lý thuyết;

d) Tăng cường tính gắn kết giữa các doanh nghiệp vận tải biển với các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên.

7. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển đội tàu biển

Tổng kinh phí đầu tư cho phát triển đội tàu từ nay đến năm 2020 khoảng từ 20.000 đến 30.000 tỷ đồng (khoảng từ 1,0 đến 1,5 tỷ USD), chủ yếu do các doanh nghiệp tự huy động từ các nguồn vốn hợp pháp.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thuộc ngành hàng hải, tạo hành lang pháp lý ổn định, thuận lợi cho hoạt động vận tải biển. Trước mắt bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy về cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vận tải biển vượt qua khó khăn, duy trì sản xuất, từng bước nâng cao năng lực và thị phần vận chuyển hàng xuất, nhập khẩu của đội tàu biển Việt Nam; các văn bản về vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics, quản lý đầu tư và khai thác cơ sở hạ tầng cảng biển phù hợp với thông lệ quốc tế và tình hình, xu thế phát triển của Việt Nam.

2. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực vận tải biển, đặc biệt là thủ tục hành chính tại các cảng biển và thủ tục đăng ký tàu biển; nhanh chóng triển khai ứng dụng đồng bộ công nghệ thông tin trong hoạt động hàng hải (cảng vụ điện tử, hải quan điện tử...), thực hiện chính sách một cửa để tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền ra vào cảng biển.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi luật pháp Việt Nam và các công ước quốc tế liên quan về đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường mà Việt Nam là thành viên; nâng cao chất lượng đội ngũ đăng kiểm viên Việt Nam và chất lượng công tác đăng ký, giám sát kỹ thuật tàu, đặc biệt là tàu biển hoạt động tuyến quốc tế.

4. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, bao gồm cả các tổ chức nước ngoài đầu tư phát triển đội tàu biển Việt Nam. Xây dựng chương trình phát triển đội tàu biển Việt Nam để có cơ chế, chính sách thích hợp, đồng bộ, hỗ trợ kịp thời quá trình đầu tư tái cơ cấu kết hợp phát triển và hiện đại hóa đội tàu quốc gia. Bổ sung, chỉnh sửa quy định về điều kiện (hàng rào kỹ thuật) cho việc thành lập doanh nghiệp vận tải biển, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải nhằm xây dựng môi trường thông thoáng, thuận lợi đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, tạo tiền đề tập trung nguồn lực đầu tư hình thành các doanh nghiệp Việt Nam đủ năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực vận tải biển và dịch vụ hàng hải; phát huy được mối quan hệ gắn bó giữa đội tàu, cảng biển, dịch vụ logistics và các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu để xây dựng, phát triển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam làm nòng cốt trong lĩnh vực vận tải biển và Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy làm nòng cốt trong lĩnh vực công nghiệp đóng, sửa chữa tàu biển. Xây dựng

mạng lưới dịch vụ hàng hải để nâng cao khả năng cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

6. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm cả đào tạo trong nước và nước ngoài; củng cố phát triển các trường đại học, cao đẳng dạy nghề chuyên ngành ở cả 03 khu vực Bắc, Trung, Nam đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vận hành khai thác tàu biển, cảng biển, công nghiệp tàu thủy, dịch vụ logistics và dịch vụ cung cấp thuyền viên làm việc cho các hãng tàu nước ngoài. Có chính sách, chế độ ưu đãi với đặc thù lao động của ngành vận tải biển nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với nghề.

7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về biển, tích cực thực hiện các công ước quốc tế, hiệp định song phương, đa phương trong lĩnh vực hàng hải; hỗ trợ về thủ tục pháp lý cho doanh nghiệp dịch vụ vận tải biển Việt Nam mở rộng đại lý hoạt động ở nước ngoài.

8. Các doanh nghiệp vận tải biển cần theo dõi sát diễn biến của thị trường trong nước, thị trường thế giới để tìm kiếm, tận dụng cơ hội, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội tàu linh hoạt, theo định hướng quy hoạch đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh; nâng cao năng lực quản trị và khai thác đội tàu. Tăng cường phối hợp, liên kết với các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xuất, nhập khẩu để chủ động tìm kiếm hợp đồng vận chuyển hàng hóa; nâng cao chất lượng dịch vụ để thu hút chủ hàng, phát triển hệ thống mạng lưới đại lý có năng lực tại nước ngoài, từng bước tạo lập hệ thống dịch vụ logistics khép kín, chuyên nghiệp, hiệu quả và uy tín mang thương hiệu riêng cho doanh nghiệp.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan, tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch này, kết hợp chặt chẽ với quá trình thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển theo dõi sát diễn biến của thị trường trong nước, khu vực và thế giới để tìm kiếm, tận dụng cơ hội, chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội tàu phù hợp với quy hoạch được duyệt, đồng thời nghiên cứu đề xuất các giải pháp cần thiết để thực hiện quy hoạch có hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập, triển khai thực hiện các quy hoạch mạng lưới giao thông đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa nhằm đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả cho phát triển giao thông vận tải biển;

d) Tăng cường công tác quản lý nhà nước, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch phát triển vận tải biển, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển và dịch vụ logistics trong ngành giao thông vận tải.

2. Bộ Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu phát triển các trung tâm phân phối hàng hóa và dịch vụ logistics tại các đầu mối giao thông vận tải quan trọng;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính nghiên cứu ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển vận tải biển; đồng thời, ban hành cơ chế, chính sách phát triển và quản lý dịch vụ logistics.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu ban hành các chính sách ưu đãi đối với người lao động phù hợp với đặc thù của ngành vận tải biển là ngành lao động nặng nhọc, nguy hiểm.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu và đổi mới phương thức đào tạo, tiêu chuẩn đào tạo cho lực lượng lao động ngành vận tải biển nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nhân lực vận tải biển, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này thay thế Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hoàng Trung Hải